TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH TH BÌNH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2018/HSPT	
Ngày 28-11-2018	

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Th Hà.

Các thẩm phán: Bà Tô Thị Lý.

Ông Trần Xuân B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị ThA Bình - Thư ký TAND tỉnh Th Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Th Bình tham gia phiên tòa*: Bà* Nguyễn Thị Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Th Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2018/HSPT ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Văn B do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân Hện Kiến Xương, tỉnh Th Bình.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1992 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn B, xã H T, huyện K X, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ph và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Nguyễn Thị H; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (vắng mặt)

2. Bị cáo **Trần Văn B**, sinh năm 1999 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn G, xã H T, huyện K X, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Th. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.(vắng mặt)

Trong vụ án còn có 02 bị cáo là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1999 và Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 21/10/2001; bị hại là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Hện Kiến Xương, tỉnh Th Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, Trần Văn B, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Tuấn A và anh Vũ Đức T, sinh năm 1999 trú tại thôn T, xã H T, huyện K X, tỉnh Th Bình chơi điện tử tại quán nhà ông Nguyễn Văn T ở thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình từ tối ngày 01/3/2018 đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/3/2018 thì kết thúc. L chở anh T về nhà, sau đó quay lại chở B, Th, Tuấn A về nhà mình và lấy điện thoại của T đã để quên tại quán. Khi về, L quan sát thấy nhà chị Nguyễn Thị H1 và A Nguyễn Văn H ở cùng thôn B, xã H T, huyện K X, tỉnh Thái Bình không có ai ở nhà. L đã bảo Th lấy điện thoại của Tiệp điện hỏi chị H1đang ở đâu. Chị H1 không nghe máy, L bảo Th lắp sim sang máy của B để gọi thì chị H1 gọi lại. Qua nói chuyện, biết chị H1 đang ở quán, nên L nói với Th và Tuấn A "ra xem cô ấy có đấy không, nếu có thì điện cho A với thằng B sang nhà cô ấy" và dặn nếu chị H1 có về thì điện bảo chị H1 chở bình ga đến nhà thờ Dương Cước, rồi điện báo cho L. Th chở Tuấn A qua cửa hàng của chị H1ở thôn Bắc Dũng, xã Hồng Thái, thấy chị H1 đang ở đây nên đến quán gần đó ăn sáng để cảnh giới.

Tại nhà mình, L lấy một con dao gọt hoa quả và một then cửa B sắt cùng B đi sang nhà chị H1. L điện thoại cho Th thì biết chị H1 đang ở quán nên dùng then cửa mở chốt cửa chính nhà chị H1. Vào trong nhà, L bảo B ngồi cảnh giới rồi đi vào phòng ngủ lấy một máy tính xách tay hiệu LENOVO đựng trong túi, một túi vải màu đen cầm ra để trên ghế; tiếp tục lấy trên bàn thờ một chiếc điện thoại Nokia Lumia, bộ ngũ sự B đồng gồm có 02 con hạc, 02 cây đèn, 01 lư hương. L cất điện thoại vào túi áo khoác, tháo rời các bộ phận của bộ ngũ sự đựng vào chiếc túi màu đen và bảo B sang vườn nhà ông Nguyễn Văn H (cạnh nhà chị H1) đợi. L tiếp tục rút phích cắm tivi nhãn hiệu Panasonic, rồi lần lượt bê các tài sản đã lấy đưa qua tường cho B để ở vườn nhà ông H. L bảo B ra cổng nhà ông H cảnh giới, rồi lấy lá chuối che tivi, bộ lư hương, còn máy tính L mang về nhà. Khi Th và Tuấn A về, L nói "Lấy được cái laptop và cái điện thoại" nhưng không ai nói gì. L đưa cho B chiếc điện thoại vừa lấy được, B cầm và tháo ốp ngoài, sim thẻ vứt xuống cống Hồ thuộc thôn Bắc Dũng, xã Hồng Th.

Sau khi nhận được đơn trình báo của chị H1, Công an Hện Kiến Xương đã phát hiện thu hồi tại vườn nhà ông Nguyễn Văn H: 01 tivi Panasonic 49 inch, 02 con hạc B đồng, 01 lư hương B đồng, 02 cây nến B đồng, 02 túi vải màu đen; thu giữ của L 01 máy tính xách tay hiệu LENOVO và 01 then cửa; thu giữ của B 01 điện thoại Nokia. Đối với điện thoại của B và L dùng để liên lạc đã bị mất không thu hồi được, chiếc điện thoại của anh T cơ quan công an không thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 08/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kiến Xương kết luận: tại thời điểm định giá 01 tivi màn hình phẳng nhãn hiệu Panasonic 49 inch trị giá 8.500.000 đồng; 02 con hạc cắm nến B đồng, 02 cây đèn cắm nến B đồng, 01 lư hương B đồng trị giá 6.500.000 đồng; 01 máy tính xách tay hiệu LENOVO trị giá 5.200.000 đồng; 01

điện thoại di động cảm ứng Nokia Lumia 730 trị giá 700.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 20.900.000 đồng.

Công an huyện Kiến Xương đã trả lại cho chị Hoài toàn bộ tài sản bị trộm cắp, chị Hoài và A H đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đối với chiếc sim, ốp điện thoại đã mất, chiếc chốt cửa bị hỏng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn B, Nguyễn Văn Th và Nguyễn Tuấn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo Trần Văn B 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 07 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 14 tháng; bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 tháng cải tạo không giam giữ. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo Trần Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 27/8/2018 bị cáo L có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo, ngày 06/9/2018 bị cáo B có đơn kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Tòa án nhân dân tỉnh Th Bình ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2018/QĐXXPT-HS ngày 28/8/2018 mở phiên tòa vào ngày 11/9/2018 và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn B. Ngày 10/9/2018, bị cáo L có đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa với lý do gia đình có công việc đột xuất, nên Tòa án phải ra Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐPT-HS ngày 11/9/2018. Tòa án đã gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện triệu tập các bị cáo đến tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm vào các ngày 09/10/2018, ngày 24/10/2018 và ngày 05/11/2018 nhưng bị cáo L có đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa đề ngày 08/10/2018 với lý do đang điều trị bệnh tại phòng khám đa khoa An Bình; đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa đề ngày 23/10/2018 với lý do bị gẫy chân đang điều trị bệnh tại phòng khám đa khoa Hoàng An; đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa đề ngày 05/11/2018 với lý do bị gẫy chân đang điều trị bệnh tại phòng khám đa khoa An Bình. Vì bị cáo L vắng mặt tại phiên tòa với các lý do nêu trên nên Tòa án phải ra các Quyết định hoãn phiên tòa số 30A/2018/QĐPT-HS ngày 09/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 30B/2018/QĐPT-HS ngày 24/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30C/2018/QĐPT-HS ngày 05/11/2018. Tòa án tiếp tục

gửi giấy triệu tập qua đường bưu điện triệu tập các bị cáo L, B đến tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm vào các ngày 16/11/2018 và ngày 21/11/2018, nhưng bị cáo L và bị cáo B đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án phải ra các Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐPT-HS ngày 16/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐPT-HS ngày 21/11/2018. Ngày 22/11/2018, Tòa án đã tống đạt trực tiếp giấy triệu tập cho bà Nguyễn Thị S là mẹ bị cáo L và bà Trần Thị H là bà nội bị cáo B, bà Sen và bà H đã cam kết giao cho bị cáo L và bị cáo B giấy triệu tập để tham gia phiên tòa ngày 28/11/2018. Nhưng ngày 28/11/2018 cả bị cáo L và bị cáo B đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo L và bị cáo B, vì Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các bị cáo đều vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo L và B đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo L và B làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, việc các bị cáo bổ sung yêu cầu kháng cáo không làm xấu đi tình trạng củacác bị cáo, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bị cáo L, B nhiều lần để tham gia tố tụng tại phiên tòa hình sự phúc thẩm, trong đó các phiên tòa ngày 16/11/2018, ngày 21/11/2018 và ngày 28/11/2018 các bị cáo đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo L, B: Lời khai nhận tội của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Công an Hện Kiến Xương lập ngày 02/3/2018; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Bản kết luận định giá tài sản số 07 ngày 08/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Hện Kiến Xương; Đơn trình báo, lời khai của bị hại là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/3/2018, Nguyễn Văn L và Trần Văn B đã trộm cắp của gia đình anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H thuộc thôn B, xã H T, huyện K X, các tài sản gồm 01 Tivi Panasonic 49 inch, 02 con hạc cắm nến B đồng, 02 cây đèn cắm nến B đồng, 01 lư hương B đồng, 01 máy tính xách tay hiệu LENOVO và 01 điện thoại di động cảm ứng Nokia Lumia 730 có tổng trị giá là 20.900.000 đồng. Nguyễn Văn Th và Nguyễn

Tuấn A biết được ý định trộm cắp tài sản của L và B, đã cảnh giới chị H để L và B vào nhà chị H trộm cắp tài sản Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo L, B, Th và A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản- Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a, Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm

b, Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169,179, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c, Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d, Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

d, Tài sản là di vật, cổ vật;"

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo L và B thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo L, B và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Xét thấy, bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản , nên giữ vai trò chính trong vụ án ; bị cáo B là người giúp sức tích cực, trực tiếp ngồi tại nhà người bị hại để cảnh giới cho bị cáo L lấy tài sản, vận chuyển tài sản để cất giấu nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo L và bị cáo B đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; người phạm tội thành khẩn khai báo , ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo L 01 năm 03 tháng tù, xử phạt bị cáo B 10 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo nhưng cũng không đưa ra được những căn cứ tình tiết mới làm cơ sở xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo cho các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và bị cáo B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L và Trần Văn B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2018/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Th Bình.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Văn B 10 (mười) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

2.Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Trần Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 28/11/2018./

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Th Bình;*
- *TAND, VKSND, CA, THA h.Kiến Xương;*
- *Bị cáo kháng cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Nguyễn Th Hà